

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN LÃNG  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST  
Ngày 20-5-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Liễu Thị Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hứa Minh Thân;

Bà Lương Thị Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Sơn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nông Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng H1, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn H2, xã H3, thành phố L1, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm C (nay là thôn L2), xã Đ, huyện T1, tỉnh Bắc Giang; cư trú tại: Khu \*\*, xã T3, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu \*\*, xã T3, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn N, xã T3, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng H1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên chị đã nhiều lần cho chị Nguyễn Thị A vay tiền, cụ thể: Ngày 17/10/2016, chị Nguyễn Thị A vay (có chứng từ chuyển qua tài khoản của chị Nguyễn Thị L3 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Lạng Sơn) số tiền 200.000.000 đồng; ngày 09/9/2017 chị Nguyễn Thị A vay số tiền 200.000.000 đồng (có giấy biên nhận vay tiền); ngày 10/12/2017, chị Nguyễn Thị A vay số tiền 300.000.000 đồng, do hai lần vay trước chị Nguyễn Thị A chưa trả nên chị đã gộp cả ba lần vay tiền thành giấy biên nhận vay số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 10/4/2018, chị Nguyễn Thị A vay thêm số tiền 28.000.000 đồng, do các lần vay ngày 17/10/2016, ngày 09/9/2017, ngày 10/12/2017 đều chưa trả, nên chị đã cộng gộp cả bốn lần vay tiền thành giấy biên nhận vay tiền với tổng số tiền là 728.000.000 (bảy trăm hai mươi tám triệu) đồng. Khi viết giấy đều thông báo cho chị Nguyễn Thị A biết và chị Nguyễn Thị A đọc rồi mới ký. Khi chị Nguyễn Thị A vay tiền có nói là để kinh doanh và để trả tiền đất ở Hòa Bình, việc vay nợ anh Nguyễn Văn T4 (chồng chị Nguyễn Thị A) có biết hay không chị cũng không biết. Ngày 10/4/2018 hai bên đã chốt nợ, tổng số tiền chị Nguyễn Thị A vay của chị là 728.000.000 đồng đều là tiền nợ gốc, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/07/2018, hai bên không thỏa thuận về lãi. Hiện nay đã quá hạn trả nợ, chị đã nhiều lần yêu cầu chị Nguyễn Thị A trả nợ nhưng chị Nguyễn Thị A không thực hiện. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị A thanh toán tiền nợ gốc là 728.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/10/2020 là 30 tháng tính theo lãi suất ngân hàng 1%/tháng là 210.000.000 đồng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, chị Nguyễn Hồng H1 yêu cầu chị Nguyễn Thị A phải chịu chi phí trưng cầu giám định chữ ký do kết quả giám định xác định các chữ ký trên giấy biên nhận vay tiền là chữ ký của chị Nguyễn Thị A; yêu cầu chị Nguyễn Thị A thanh toán số tiền nợ gốc là 728.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 200.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị không nợ chị Nguyễn Hồng H1 số tiền 728.000.000 đồng mà chỉ có nợ chị Nguyễn Hồng H1 số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, vay từ khoảng năm 2010-2011 với mức lãi suất là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, chị cho rằng chị Nguyễn Hồng H1 đã cộng cả lãi vào tiền gốc nên mới thành 728.000.000 đồng. Trong quá trình làm ăn, chị có vay nợ chị Nguyễn Hồng H1, nhưng mỗi lần vay sau đó đều đã trả nợ, tuy nhiên chị không có tài liệu chứng minh. Số tiền 200.000.000 đồng chị Nguyễn Hồng H1 chuyển cho chị vay qua tài khoản của chị Nguyễn Thị L3, chị đã sử dụng để trả tiền hàng; chị Nguyễn Thị L3 cũng đã lấy tiền của người khác chuyển cho chị để trả cho chị Nguyễn Hồng H1. Ngày 09/9/2017 chị được vay chị Nguyễn Hồng H1 số tiền 200.000.000 đồng, sau đó đã trả nợ nhưng chị Nguyễn Hồng H1 không xé giấy vay nợ. Ngày 10/12/2017, chị không được vay số tiền 300.000.000 đồng; năm 2017 chị được ký vào một tờ

giấy biên nhận vay tiền chưa điền số tiền vay. Ngày 10/4/2018, chị không được vay số tiền 28.000.000 đồng và cũng không được ký vào giấy biên nhận vay 728.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị A cho rằng chữ ký tại giấy biên nhận vay tiền ngày 10/12/2017 và ngày 10/4/2018 không phải chữ ký của chị và yêu cầu trung cầu giám định chữ ký. Tuy nhiên sau đó, chị Nguyễn Thị A rút yêu cầu trung cầu giám định chữ ký do không có khả năng nộp tiền tạm ứng chi phí giám định và khẳng định chữ ký tại giấy biên nhận vay tiền ngày 10/12/2017 là chữ ký của chị nhưng khi ký chưa ghi số tiền vay, đồng thời cho rằng quá trình làm ăn giữa chị và chị Nguyễn Hồng H1, chị có vay tiền nhưng sau đó đã trả, có ký giấy vay nợ nên chị không xác định được các giấy biên nhận vay tiền khác chị Nguyễn Hồng H1 đã nộp cho Tòa án có phải chữ ký của chị hay không. Số tiền vay của chị Nguyễn Hồng H1, chị dùng vào việc kinh doanh riêng, không dùng vào việc chi tiêu cho gia đình, chồng chị là anh Nguyễn Văn T4 không biết. Nay chị không đồng ý chịu chi phí giám định vì không yêu cầu giám định; chị chỉ đồng ý trả cho chị Nguyễn Hồng H1 số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2021 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn T4 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị A kết hôn năm 1997. Do chị Nguyễn Thị A quen biết với chị Nguyễn Hồng H1 nên nhiều lần vay tiền của chị Nguyễn Hồng H1, nhưng đều không cho anh biết. Chị Nguyễn Thị A vay tiền để kinh doanh riêng, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do anh chi trả, chị Nguyễn Thị A không có đóng góp gì. Năm 2015 anh đã từng giúp chị Nguyễn Thị A trả nợ cho chị Nguyễn Hồng H1 150.000.000 đồng và năm 2017 trả 100.000.000 đồng, khi trả không lập giấy tờ; khi đó anh đã nói với chị Nguyễn Hồng H1 là không được cho chị Nguyễn Thị A vay tiền nữa. Năm 2020, khi có người đến nhà nói là được chị Nguyễn Hồng H1 ủy quyền đòi 700.000.000 đồng, anh mới biết và có hỏi lại thì chị Nguyễn Thị A khẳng định chỉ được vay chị Nguyễn Hồng H1 150.000.000 đồng với mức lãi suất 3000đồng/1.000.000đồng/ngày, vay từ khoảng năm 2010. Anh không biết và không có liên quan đến việc vay nợ giữa chị Nguyễn Thị A và chị Nguyễn Hồng H1 nên anh không có trách nhiệm trả nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2021 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L3 trình bày: Số tiền 200.000.000 đồng mà chị Nguyễn Hồng H1 chuyển cho chị Nguyễn Thị A vay qua tài khoản của chị, chị đã thực hiện theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị A chuyển trả tiền hàng cho một chủ hàng mà chị Nguyễn Thị A đã mua hàng (không phải chị Nguyễn Hồng H1). Trước đây, chị được nhiều lần chuyển tiền mặt qua lại giữa chị Nguyễn Hồng H1 và chị Nguyễn Thị A nhưng không biết là tiền gì, số tiền mỗi lần chuyển khoảng từ 10.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cụ thể các lần không nhớ, không có tài liệu ghi chép và chị cũng không biết là vay hay trả khoản vay nào.

Để củng cố chứng cứ, ngày 25/3/2021 chị Nguyễn Hồng H1 đã có yêu cầu trung cầu giám định chữ ký đối với các chữ ký của chị Nguyễn Thị A tại các giấy biên nhận vay tiền. Ngày 30/3/2021, Tòa án đã ra Quyết định trung cầu giám định số 01/2021/QĐ-TCGD. Tại Kết luận giám định số 220/KLGĐ-PC09

ngày 16/4/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên “Nguyễn Thị A” dưới mục “Người vay ký” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 do cũng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng H1, buộc chị Nguyễn Thị A phải trả cho chị Nguyễn Hồng H1 số tiền nợ gốc là 728.000.000 (bảy trăm hai mươi tám triệu) đồng và tiền lãi là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Chị Nguyễn Thị A phải chịu chi phí trưng cầu giám định chữ ký theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hồng H1 có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Thị A có đăng ký tạm trú tại xã T3, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự viết bản tự khai, lấy lời khai; thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản đều được tổng đạt hợp lệ cho đương sự. Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn nộp bổ sung tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thông báo và sao gửi cho các đương sự. Tại phiên tòa các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về việc vay nợ: Chị Nguyễn Hồng H1 khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị A thanh toán số tiền nợ gốc là 728.000.000 đồng (gộp của 4 lần vay) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 200.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị A không thừa nhận được vay số tiền 728.000.000 đồng, tuy nhiên chị Nguyễn Thị A thừa nhận được vay chị Nguyễn Hồng H1 150.000.000 đồng từ khoảng năm 2010-2011. Đồng thời chị Nguyễn Thị A cũng thừa nhận trong quá trình làm ăn giữa chị với chị Nguyễn Hồng H1 thường xuyên có việc vay mượn và trả nợ. Đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng ngày 17/10/2016 chị Nguyễn Hồng H1 chuyển

qua tài khoản của chị Nguyễn Thị L3 và khoản tiền vay 200.000.000 đồng ngày 09/9/2017 chị Nguyễn Thị A thừa nhận được vay chị Nguyễn Hồng H1 và cho rằng đã trả nợ, nhưng chị Nguyễn Thị A không đưa ra được căn cứ chứng minh. Đối với khoản tiền vay khoản tiền ngày 10/12/2017 (vay 300.000.000 đồng, viết gộp với hai lần vay trước thành giấy biên nhận vay 700.000.000 đồng) và ngày 10/4/2018 (vay 28.000.000 đồng viết gộp với các lần vay trước thành giấy biên nhận vay số tiền 728.000.000 đồng) chị Nguyễn Thị A cho rằng không được vay nhưng không đưa ra căn cứ chứng minh. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký; Kết luận giám định số 220/KLGD-PC09 ngày 16/4/2021, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn khẳng định các chữ ký trên giấy biên nhận vay tiền nêu trên đều là chữ ký của chị Nguyễn Thị A. Chị Nguyễn Thị A cho rằng ký giấy biên nhận vay tiền khi chưa ghi số tiền vay nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Xét lời khai của chị Nguyễn Thị L3 cho thấy chị Nguyễn Hồng H1 đã chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản của chị Nguyễn Thị L3 và chị Nguyễn Thị A đã sử dụng số tiền này để trả tiền hàng cho một chủ hàng (không phải chị Nguyễn Hồng H1) và chị Nguyễn Thị A cũng thừa nhận điều này. Như vậy khẳng định có sự vay mượn tiền trong vụ án này. Việc chị Nguyễn Thị L3 trình bày được nhiều lần chuyển tiền mặt qua lại giữa chị Nguyễn Hồng H1 và chị Nguyễn Thị A nhưng không biết là tiền gì, cụ thể các lần không nhớ, không ghi chép; do đó không có cơ sở để kết luận là chị Nguyễn Thị A đã trả tiền hay vay tiền trong những lần này. Xét lời khai của anh Nguyễn Văn T4, xác định anh không biết việc vay nợ giữa chị Nguyễn Thị A với chị Nguyễn Hồng H1; anh Nguyễn Văn T4 cho rằng vào năm 2015 khi biết chị Nguyễn Thị A nợ tiền chị Nguyễn Hồng H1, đã bán nhà để trả nợ chị Nguyễn Hồng H1 150.000.000 đồng, sau đó trả tiếp 100.000.000 đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Dựa trên lời trình bày này cũng không có căn cứ chứng minh là chị Nguyễn Thị A đã trả tiền cho chị Nguyễn Hồng H1 trong các lần vay nợ nêu trên.

[3] Từ những phân tích trên cho thấy, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị A đã đưa ra. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị A có vay chị Nguyễn Hồng H1 số tiền 728.000.000 đồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng H1 buộc chị Nguyễn Thị A phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Hồng H1 số tiền nợ gốc là 728.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Hai bên chốt nợ vào ngày 10/04/2018, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 10/4/2018 đến ngày 10/7/2018 và không có thỏa thuận về lãi suất. Do đó căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời điểm tính lãi từ ngày 11/7/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/5/2021 là 33 tháng 10 ngày, do đó tiền lãi được tính như sau: 728.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 33 tháng 10 ngày = 201.413.333 đồng. Chị Nguyễn Hồng H1 chỉ yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 200.000.000 đồng là sự tự nguyện, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng H1 tự

nguyện yêu cầu chị Nguyễn Thị A thanh toán số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 200.000.000 đồng.

[5] Về tiền tạm ứng chi phí giám định: Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu trưng cầu giám định của chị Nguyễn Hồng H1 là có căn cứ và yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị A phải chịu số tiền chi phí giám định chữ ký là 6.800.000 đồng theo khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Hồng H1 đã tạm ứng trước, chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Hồng H1.

[6] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị A phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 39.840.000 đồng; chị Nguyễn Hồng H1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, các khoản 1, 3, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng H1. Chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Hồng H1 tổng số tiền nợ là 928.000.000 (chín trăm hai mươi tám triệu) đồng, (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 728.000.000 đồng và tiền lãi là 200.000.000 đồng).

2. Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng. Chị Nguyễn Hồng H1 đã tạm ứng trước nên chị Nguyễn Thị A có nghĩa vụ trả lại cho chị Nguyễn Hồng H1 số tiền 6.800.000 (sáu triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu 39.840.000 (ba mươi chín triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Chị Nguyễn Hồng H1 được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.070.000 (hai mươi triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000546 ngày 30 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn (PKTNV&THA);
- VKSND H. Văn Lãng, T. Lạng Sơn;
- CC THADS H. V, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Liều Thị Hạnh**